

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẬN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014	14 - 47



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (Công ty mẹ) và các Công ty con đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497 ngày 04 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi ba lần do bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi cổ đông sáng lập, trong đó lần thứ ba ngày 24 tháng 9 năm 2012 do thay đổi cổ đông sáng lập.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:		100.000.000.000 VND
Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	59.000.000.000	59%
Các cổ đông khác	41.000.000.000	41%
Cộng	100.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
 Điện thoại : 08 37 422 181; 08 38 991 314
 Fax : 08 37 422 041; 08 38 994 031
 E-mail : tancangkhoan@saigonnewport.com.vn
 Mã số thuế : 0309532497

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	47,05%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	36,00%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 47).

Trong năm, Công ty thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Điều lệ Công ty, như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	5.460.099.289
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	2.730.049.645
Trích lập Quỹ khen thưởng	2.928.814.366
Trích lập Quỹ phúc lợi	5.479.029.263
Trích lập Quỹ thưởng Ban điều hành	400.000.000
Cộng	<u>16.997.992.563</u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Bùi Quang Huy	Chủ tịch	21 tháng 01 năm 2010
Ông Nguyễn Năng Toàn	Ủy viên	21 tháng 01 năm 2010
Ông Nguyễn Hữu Đức	Ủy viên	20 tháng 8 năm 2010

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng ban	21 tháng 01 năm 2010
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	21 tháng 01 năm 2010
Ông Phạm Mạnh Nhân	Thành viên	21 tháng 01 năm 2010

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Bùi Quang Huy	Giám đốc	10 tháng 12 năm 2009	
Ông Lê Hữu Trường	Phó Giám đốc	08 tháng 12 năm 2009	
Ông Trần Minh Lăng	Phó Giám đốc	01 tháng 3 năm 2011	
Ông Dời Thanh Hải	Phó Giám đốc	18 tháng 3 năm 2013	04 tháng 9 năm 2014
Ông Trần Quang Thảo	Phó Giám đốc	04 tháng 9 năm 2014	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Bùi Quang Huy

Ngày 24 tháng 3 năm 2015



Số: 171/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		215.067.275.378	160.397.732.394
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	67.345.019.601	103.665.490.009
1. Tiền	111		12.345.019.601	4.665.490.009
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	99.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	13.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		120.634.547.393	51.653.465.191
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	76.298.464.170	47.331.180.952
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	43.628.579.531	3.065.105.424
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	836.659.696	1.347.588.018
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(129.156.004)	(90.409.203)
IV. Hàng tồn kho	140		2.035.540.815	1.254.796.413
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.035.540.815	1.254.796.413
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.052.167.569	3.823.980.781
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3.504.765.276	1.903.639.066
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.936.463.168	211.402.979
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	793.981.241	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	816.957.884	1.708.938.736

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		261.070.255.233	157.769.459.388
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		255.303.213.794	154.886.741.102
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	209.604.213.645	154.265.182.271
<i>Nguyên giá</i>	222		323.322.658.552	236.211.656.790
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(113.718.444.907)	(81.946.474.519)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	70.435.388	21.558.831
<i>Nguyên giá</i>	228		162.395.000	92.395.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(91.959.612)	(70.836.169)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	45.628.564.761	600.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.767.041.439	2.882.718.286
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.943.191.842	515.032.352
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	1.823.849.597	2.367.685.934
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		476.137.530.611	318.167.191.782

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		221.130.567.547	124.793.519.501
I. Nợ ngắn hạn	310		126.461.196.585	97.886.529.305
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	31.247.274.048	17.502.315.880
2. Phải trả người bán	312	V.17	39.117.486.777	23.027.537.969
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	4.633.000	318.507.999
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	4.829.035.396	10.205.725.453
5. Phải trả người lao động	315		21.758.068.473	23.335.317.922
6. Chi phí phải trả	316	V.20	8.415.750.937	9.470.743.736
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	15.406.922.891	6.347.760.453
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	5.682.025.063	7.678.619.893
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		94.669.370.962	26.906.990.196
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	371.520.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	94.297.850.962	26.906.990.196
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		227.247.886.228	182.987.728.824
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	227.247.886.228	182.987.728.824
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.637.052.188	17.215.423.181
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.331.436.949	8.607.711.590
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		93.279.397.091	57.164.594.053
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.26	27.759.076.836	10.385.943.457
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		476.137.530.611	318.167.191.782

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		163,07	-	-	-
Euro (EUR)		5,78	9.577,18	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng

Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Bùi Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	514.487.429.461	481.882.446.391
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.674.738.373	2.854.614.389
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		512.812.691.088	479.027.832.002
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	398.502.407.442	378.091.955.255
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		114.310.283.646	100.935.876.747
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	4.401.332.243	5.428.559.914
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	5.212.525.590	3.507.088.089
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.902.760.572	3.119.761.465
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	6.109.278.774	3.682.593.033
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	28.518.275.515	24.392.046.087
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		78.871.536.010	74.782.709.452
11. Thu nhập khác	31	VL.7	15.111.501.769	1.651.450.750
12. Chi phí khác	32	VL.8	20.773.030.673	233.112.238
13. Lợi nhuận khác	40		(5.661.528.904)	1.418.338.512
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		73.210.007.106	76.201.047.964
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		16.031.444.641	19.289.355.320
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL.9	543.836.337	(54.673.483)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>56.634.726.128</u>	<u>56.966.366.127</u>
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3.900.055.255	2.636.212.922
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		52.734.670.873	54.330.153.205
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.10	<u>5.273</u>	<u>5.433</u>

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Bùi Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	73.210.007.106	76.201.047.964
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	34.046.289.928	29.286.528.829
- Các khoản dự phòng	03	38.746.801	(44.791.299)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	212.970.922	277.043.630
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.888.431.880)	(5.374.576.835)
- Chi phí lãi vay	06	4.902.760.572	3.119.761.465
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	108.522.343.449	103.465.013.754
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(42.007.783.910)	(3.525.904.488)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(780.744.402)	(1.129.123.542)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	42.335.804.621	(23.845.186.825)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.029.285.700)	3.780.265.057
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.902.760.572)	(3.119.761.465)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21.840.662.161)	(19.657.128.254)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	10.347.283.109	458.300.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(20.475.836.695)	(9.477.445.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	66.168.357.739	46.949.028.274
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(175.001.280.864)	(19.472.941.825)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	3.545.893.509	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.489.720.436	5.448.160.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(179.965.666.919)	(14.024.781.657)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	113.062.175.126		8.948.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(32.027.755.880)		(16.242.016.240)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.557.582.240)		(11.700.685.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	77.476.837.006		(18.994.701.930)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(36.320.472.174)		13.929.544.687
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	103.665.490.009	89.720.489.852
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.766	15.455.470
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	67.345.019.601	103.665.490.009

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng



Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Bùi Quang Huy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2014****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh; Dịch vụ đại lý tàu biển./.
4. **Tổng số các công ty con** : 02
- Trong đó:*
- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách các Công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	47,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	36%

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 526 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 là 472 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa lớn tài sản phát sinh trong năm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	15%

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.090 VND/USD
28.976 VND/EUR
31/12/2014 : 21.246 VND/USD
25.857 VND/EUR.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	272.221.103	380.882.706
Tiền gửi ngân hàng	12.072.798.498	4.284.607.303
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	55.000.000.000	99.000.000.000
Cộng	<u>67.345.019.601</u>	<u>103.665.490.009</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	13.000.000.000	

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu công nợ là các bên liên quan	42.811.645.886	26.940.514.034
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>	40.328.949.853	24.499.670.765
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép</i>	75.420.000	
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình</i>	7.260.000	21.395.000
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng</i>	122.508.100	539.448.701
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i>	154.291.433	304.621.968
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i>	72.952.200	1.575.377.600
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i>	1.894.384.300	
<i>Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái</i>	109.800.000	
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng</i>	46.080.000	
Phải thu khách hàng ngoài	33.486.818.284	20.390.666.918
Cộng	<u>76.298.464.170</u>	<u>47.331.180.952</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về đầu tư xây dựng cơ bản	29.966.604.881	952.855.424
Về mua sắm máy móc thiết bị	7.002.200.659	2.000.000.000
Về thuê bãi để chứa container	4.050.000.000	
Về dịch vụ khác	2.609.773.991	112.250.000
Cộng	<u>43.628.579.531</u>	<u>3.065.105.424</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu BHXH, BHYT	41.716.107	48.307.078
Kinh phí công đoàn	604.210	3.355.103
Thuế giá trị gia tăng đầu ra chưa kê khai	25.366.015	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	153.972.222	312.666.667
Phải thu tiền phạt nhiên liệu	51.573.424	
Các khoản chi hộ khách hàng	563.427.718	983.259.170
Cộng	<u>836.659.696</u>	<u>1.347.588.018</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm		(90.409.203)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(129.156.004)	
Cộng	<u>(129.156.004)</u>	<u>(90.409.203)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(90.409.203)	(135.200.502)
Trích lập dự phòng bổ sung	(38.746.801)	
Hoàn nhập dự phòng		44.791.299
Số cuối năm	<u>(129.156.004)</u>	<u>(90.409.203)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.035.540.815	1.254.796.413

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.360.991.207	1.574.598.362
Chi phí sửa chữa tài sản	487.373.505	184.455.345
Chi phí bảo hiểm	487.400.564	135.418.692
Chương trình quản lý xe		9.166.667
Chi phí vé cầu đường	169.000.000	
Cộng	<u>3.504.765.276</u>	<u>1.903.639.066</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	81.700.943	
Thuế xuất nhập khẩu nộp trước	490.782.600	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	61.018.881	
Các khoản phải thu Nhà nước khác	160.478.817	
Cộng	<u>793.981.241</u>	

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	505.407.884	1.666.238.736
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	311.550.000	42.700.000
Cộng	<u>816.957.884</u>	<u>1.708.938.736</u>

BT
1 N
ONG
NH
DAN
A S
BI H
DA

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	72.770.413.422	88.808.045.796	63.218.972.664	3.092.814.147	8.321.410.761	236.211.656.790
Mua sắm mới	698.436.840	15.038.008.825	73.346.285.990	958.010.848	3.311.942.976	92.654.248.639
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành			(453.389.091)		(386.934.123)	698.436.840
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(5.401.360.503)					(5.788.294.626)
Giảm do bị mất cắp						(453.389.091)
Số cuối năm	68.067.489.759	103.846.054.621	136.111.869.563	4.050.824.995	11.246.419.614	323.322.658.552
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.456.957.627	3.017.140.500	3.251.631.107	636.743.306	453.290.960	20.815.763.500
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	23.019.404.882	38.136.837.149	16.927.432.727	1.523.717.021	2.339.082.740	81.946.474.519
Khấu hao trong năm	8.744.148.265	13.207.740.022	9.972.260.318	844.388.697	1.256.629.183	34.025.166.485
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(1.938.949.936)		(10.794.980)		(303.451.181)	(2.242.401.117)
Giảm do bị mất cắp						(10.794.980)
Số cuối năm	29.824.603.211	51.344.577.171	26.888.898.065	2.368.105.718	3.292.260.742	113.718.444.907
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	49.751.008.540	50.671.208.647	46.291.539.937	1.569.097.126	5.982.328.021	154.265.182.271
Số cuối năm	38.242.886.548	52.501.477.450	109.222.971.498	1.682.719.277	7.954.158.872	209.604.213.645

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 211.384.569.172 VND và 157.305.803.320 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	92.395.000	70.836.169	21.558.831
Tăng trong năm	70.000.000	21.123.443	70.000.000
Giảm trong năm			21.123.443
Số cuối năm	162.395.000	91.959.612	70.435.388

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	600.000.000	93.585.890.639	92.654.248.639	1.531.642.000
XDCB dở dang		44.795.359.601	698.436.840	44.096.922.761
<i>Công trình xây dựng Kho CFS tại Cát Lái</i>		<i>33.911.243.541</i>		<i>33.911.243.541</i>
<i>Công trình xây dựng Nhà Văn phòng tại Cát Lái</i>		<i>10.185.679.220</i>		<i>10.185.679.220</i>
<i>Nhà chờ khách hàng và công nhân tại Line X bãi Cát Lái</i>		<i>440.288.650</i>	<i>440.288.650</i>	
<i>Nhà vệ sinh phục vụ khách hàng và công nhân tại Line X bãi Cát Lái</i>		<i>258.148.190</i>	<i>258.148.190</i>	
Cộng	600.000.000	138.381.250.240	93.352.685.479	45.628.564.761

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	514.782.352	620.836.364	572.250.823	563.367.893
Chi phí sửa chữa nhà cửa, kho bãi		1.905.970.122	271.470.704	1.634.499.418
Chi phí trả trước sửa chữa lớn máy móc thiết bị, phương tiện vận tải		415.358.404	17.306.600	398.051.804
Chi phí thuê bãi		1.347.272.727		1.347.272.727
Phần mềm kế toán	250.000		250.000	
Cộng	515.032.352	4.289.437.617	861.278.127	3.943.191.842

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.367.685.934	2.313.012.451
Số phát sinh	1.823.849.597	2.367.685.934
Số hoãn nhập	(2.367.685.934)	(2.313.012.451)
Số cuối năm	1.823.849.597	2.367.685.934

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	31.247.274.048	17.502.315.880
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú</i>	<i>22.040.702.376</i>	<i>8.363.344.000</i>
<i>Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>	<i>9.206.571.672</i>	<i>9.138.971.880</i>
Cộng	31.247.274.048	17.502.315.880

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.502.315.880	15.520.516.240
Số tiền vay phát sinh	31.247.274.048	18.223.815.880
Kết chuyển từ vay dài hạn	(17.502.315.880)	(16.242.016.240)
Số tiền vay đã trả	(17.502.315.880)	(16.242.016.240)
Số cuối năm	31.247.274.048	17.502.315.880

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Về dịch vụ xếp dỡ, trung chuyển container	27.135.314.760	11.905.782.998
Về mua nguyên vật liệu	2.581.353.800	3.041.647.460
Về đầu tư xây dựng cơ bản	754.666.381	3.744.454.493
Về mua sắm máy móc thiết bị	1.689.220.000	1.233.512.396
Về dịch vụ sửa chữa máy móc, phương tiện	2.655.218.610	1.636.754.215
Về dịch vụ khác	4.301.713.226	1.465.386.407
Cộng	39.117.486.777	23.027.537.969

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Về dịch vụ xếp dỡ, trung chuyển	4.633.000	318.507.999
Về dịch vụ khác	4.633.000	318.507.999
Cộng	4.633.000	318.507.999

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Tăng số đã nộp do hợp nhất	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	210.871.959	15.963.950.252		16.256.523.154	(81.700.943)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.686.090.610		1.686.090.610	
Thuế xuất, nhập khẩu				490.782.600	(490.782.600)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.873.767.531	16.031.444.641	26.114.716	21.840.662.161	4.038.435.295
Thuế thu nhập cá nhân	121.085.963	3.582.719.373		2.974.224.116	729.581.220
Các loại thuế khác		201.420.924		361.899.741	(160.478.817)
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		4.248.066		4.248.066	
Cộng	10.205.725.453	37.469.873.866	26.114.716	43.614.430.448	4.035.054.155

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.829.035.396	10.205.725.453
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(793.981.241)	
Cộng	4.035.054.155	10.205.725.453

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73.210.007.106	76.201.047.964
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(410.346.206)	956.373.313
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.060.399.296	10.223.878.586
Chi phí không hợp lý hợp lệ	754.718.386	750.115.757
Chi phí trích trước chi phí chưa có hóa đơn chứng từ	8.290.225.440	9.470.743.736
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước đã phát sinh trong năm	15.455.470	3.019.093
- Các khoản điều chỉnh giảm	(9.470.745.502)	(9.267.505.273)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trong năm	(1.766)	(15.455.470)
Hoàn lại chi phí trích trước năm trước đã có hóa đơn trong năm nay	(9.470.743.736)	(9.252.049.803)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập tính thuế	72.799.660.900	77.157.421.277
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	16.015.925.399	19.289.355.320
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	15.519.242	
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	16.031.444.641	19.289.355.320
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		
20. Chi phí phải trả		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bốc xếp	4.889.344.840	9.112.472.327
Chi phí hoa hồng	247.300.000	241.730.000
Chi phí mua quà tặng khách hàng	2.997.950.000	
Chi phí vé cầu đường	87.033.637	
Chi phí vệ sinh, sửa chữa container	90.182.600	
Chi phí điện thoại	38.491.860	
Các khoản chi phí khác	65.448.000	116.541.409
Cộng	8.415.750.937	9.470.743.736
21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	703.983.752	458.190.388
Bảo hiểm xã hội	1.198.546.544	1.152.256.919
Bảo hiểm y tế	67.387.883	95.969.125
Bảo hiểm thất nghiệp	1.228.460	9.448.215
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	412.506.100	3.970.088.340
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	250.000.000	250.000.000
Phải trả tiền hỗ trợ kinh phí đi đời	12.313.351.385	
Thủ lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	55.200.000	
Tiền thưởng nhiên liệu	26.638.693	
Phải trả, phải nộp khác	378.080.074	411.807.466
Cộng	15.406.922.891	6.347.760.453

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập từ lợi			Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng	3.311.074.839	2.928.814.366	203.000.000	4.803.300.000	1.639.589.205
Quỹ phúc lợi	3.967.545.054	5.479.029.263	153.000.000	5.957.138.459	3.642.435.858
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	400.000.000	400.000.000		400.000.000	400.000.000
Cộng	7.678.619.893	8.807.843.629	356.000.000	11.160.438.459	5.682.025.063

23. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	371.520.000	

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	94.297.850.962	26.906.990.196
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽¹⁾	54.676.105.126	4.647.232.376
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽¹⁾	35.018.460.000	8.551.300.000
Ngân hàng Natixis - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	4.603.285.836	13.708.457.820
Cộng	94.297.850.962	26.906.990.196

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 303.10.APU/TDH.216/223344.01 ngày 12 tháng 11 năm 2010 trong thời hạn 05 năm với lãi suất tham chiếu để tài trợ dự án đầu tư xây dựng 01 kho CFS tại Cảng Cát Lái. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trên đất và hợp đồng thuê đất.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 419.14.151.223344.TD ngày 14 tháng 8 năm 2014 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 01 xe nâng container Kalmar Reachstacher model DRT450. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 498.14.151.223344.TD ngày 23 tháng 7 năm 2014 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư mua 10 xe kéo hiệu Terberg model YT220 MKII chạy trong cảng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 562.14.151.223344.TD ngày 19 tháng 8 năm 2014 trong thời hạn 8 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn tài trợ dự án Nhà văn phòng Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Hợp đồng tiền gửi số 119.14.151.223344.TGDN ngày 18 tháng 6 năm 2014 của bên vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú, trị giá 5.000.000.000 VND.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 593.14.151.223344.TD ngày 30 tháng 9 năm 2014 trong thời hạn 8 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn tài trợ dự án "Đầu tư xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền khai thác lỗ đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHD ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay sau:
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 20.11.APU/TDH.16/687490.01 ngày 23 tháng 02 năm 2011 để mua xe nâng container Kalmar Reachstacker Contchamp DRF450 - 60S5M và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 01 xe nâng container Kalmar trị giá 374.000 EUR tương đương 10.700.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 14.11.APU/ĐS.07/687490.01.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 506.13.151.687490.TD ngày 22 tháng 11 năm 2013 để thanh toán bù đắp tiền mua xe nâng container Kalmar Reachstacker Contchamp DRF450 - 60S5M theo hợp đồng CLL-UNV/TB/12-01 ngày 26/12/2012 và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 01 xe nâng container Kalmar hình thành từ vốn vay trị giá 10.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số 138.13.151.687490.ĐB.DN.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 150.13.151.687490.TD.DN ngày 31 tháng 5 năm 2013 để mua xe nâng container Kalmar Reachstacker Contchamp DRF450 - 60S5M và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 01 xe nâng container Kalmar trị giá 375.000 EUR tương đương 10.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 138.13.151.687490.ĐB.DN.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 151.13.151.687490.TD.DN ngày 31 tháng 5 năm 2013 để thanh toán một phần tiền mua 10 xe ô tô Cabin Chassic tải ISUZU QKR55H và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 10 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU hình thành từ vốn vay được định giá là 4.425.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp ô tô số 139.13.151.687490.ĐB.DN.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0051/ĐTDA/13CD ngày 30 tháng 12 năm 2013 để thanh toán một phần tiền mua 10 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 10 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF hình thành từ vốn vay được định giá là 18.054.545.455 VND theo hợp đồng thế chấp ô tô số 0094/NHNT-TC.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 403.14.151.687490.TD ngày 28 tháng 05 năm 2014 để thanh toán một phần tiền mua 20 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 20 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF hình thành từ vốn vay được định giá là 31.776.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp ô tô số 222.14.151.687490.ĐD.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 869.14.151.687490.TD ngày 30 tháng 12 năm 2014 để thanh toán một phần tiền mua 10 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 10 xe

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF hình thành từ vốn vay được định giá là 10.200.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp ô tô số 676.14.151.687490.BĐ

- (iii) Khoản vay Ngân hàng Natixis theo hợp đồng vay ngày 28 tháng 6 năm 2010 trong thời hạn 5 năm với lãi suất theo mỗi kỳ tính lãi liên quan đến khoản vay để tài trợ 80% giá mua 02 Cầu Bánh Lốp (cầu RTG) theo Hợp đồng số 01/KM/UNI/TCW/2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	31.247.274.048	17.502.315.880
Trên 1 năm đến 5 năm	75.560.465.836	26.906.990.196
Trên 5 năm	18.737.385.126	
Tổng nợ	<u>125.545.125.010</u>	<u>44.409.306.076</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	26.906.990.196	35.890.306.976
Số tiền vay phát sinh	113.062.175.126	8.948.000.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm	101.399.688	292.499.100
Số tiền vay đã trả trong năm	(14.525.440.000)	
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(31.247.274.048)	(18.223.815.880)
Số cuối năm	<u>94.297.850.962</u>	<u>26.906.990.196</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tái chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	11.625.199.428	5.812.599.714	25.938.414.730	143.376.213.872
Lợi nhuận trong năm trước				54.330.153.205	54.330.153.205
Trích lập các quỹ trong năm trước		5.356.069.129	2.678.034.564	(16.268.207.386)	(8.234.103.693)
Trích lập các quỹ tại Công ty con		270.746.192	135.373.096	(809.699.612)	(403.580.324)
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con		(36.591.568)	(18.295.784)	(26.066.884)	(80.954.236)
Chia cổ tức năm 2012				(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	17.215.423.181	8.607.711.590	57.164.594.053	182.987.728.824
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	17.215.423.181	8.607.711.590	57.164.594.053	182.987.728.824
Lợi nhuận trong năm nay				52.734.670.873	52.734.670.873
Trích lập các quỹ trong năm nay		5.100.429.795	2.550.214.898	(15.501.289.386)	(7.850.644.693)
Trích lập các quỹ tại Công ty con		359.669.494	179.834.747	(994.173.736)	(454.669.495)
Tăng do hợp nhất thêm công ty con			12.910.855	9.556.127	22.466.982
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con		(38.470.282)	(19.235.141)	(133.960.840)	(191.666.263)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	22.637.052.188	11.331.436.949	93.279.397.091	227.247.886.228

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	3.557.582.240	11.700.685.690

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26. Lợi ích cổ đông thiểu số

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	10.385.943.457	6.181.736.089
Cổ đông thiểu số góp vốn	15.520.000.000	3.400.000.000
Lợi nhuận trong năm nay của cổ đông thiểu số	3.900.055.255	2.636.212.922
Chia cổ tức cho cổ đông thiểu số	(1.776.000.000)	(1.520.000.000)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	(502.529.441)	(392.959.790)
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn của cổ đông thiểu số	191.666.263	80.954.236
Tăng do hợp nhất thêm công ty con	39.941.302	
Cộng	<u>27.759.076.836</u>	<u>10.385.943.457</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu		481.882.446.391
Doanh thu bán nhiên liệu	702.044.294	1.443.303.758
Dịch vụ bốc xếp container	116.978.353.411	77.320.543.125
Dịch vụ bốc xếp bãi	175.280.423.562	206.122.281.098
Dịch vụ bốc xếp kho	146.948.949.003	130.061.436.984
Dịch vụ lưu bãi	19.741.069.759	21.503.877.305
Dịch vụ thuê kho	14.976.363.421	11.743.898.177
Dịch vụ sửa chữa container	1.645.031.000	3.665.958.267
Dịch vụ vận tải	35.914.483.810	28.931.908.634
Dịch vụ cho thuê văn phòng	455.668.181	
Dịch vụ cho thuê xe nâng, xe dầu kéo	292.225.750	
Dịch vụ khác	1.552.817.270	1.089.239.043
Các khoản giảm trừ doanh thu:	1.674.738.373	2.854.614.389
Hàng bán bị trả lại	1.674.738.373	2.854.614.389
Doanh thu thuần	<u>512.812.691.088</u>	<u>479.027.832.002</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán nhiên liệu</i>	702.044.294	1.443.303.758
<i>Dịch vụ bốc xếp container</i>	116.864.714.774	76.692.697.125
<i>Dịch vụ bốc xếp bãi</i>	174.286.084.447	205.745.652.919
<i>Dịch vụ bốc xếp kho</i>	146.678.793.863	130.034.627.164
<i>Dịch vụ lưu bãi</i>	19.732.532.941	20.103.355.069
<i>Dịch vụ thuê kho</i>	14.976.009.784	11.741.158.176
<i>Dịch vụ sửa chữa container</i>	1.645.031.000	3.300.435.569
<i>Dịch vụ vận tải</i>	35.914.483.810	28.931.908.634
<i>Dịch vụ cho thuê văn phòng</i>	455.668.181	
<i>Dịch vụ cho thuê xe nâng, xe đầu kéo</i>	28.981.108	
<i>Dịch vụ khác</i>	1.528.346.886	1.034.693.588
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán nhiên liệu	709.814.469	1.277.041.090
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	397.792.592.973	376.814.914.165
Cộng	<u>398.502.407.442</u>	<u>378.091.955.255</u>
⁽ⁱ⁾ Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	36.161.685.822	28.518.370.971
Chi nhân công trực tiếp	94.177.510.602	94.431.169.218
Chi phí sản xuất chung	267.453.396.549	253.865.373.976
Tổng chi phí sản xuất	397.792.592.973	376.814.914.165
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>397.792.592.973</u>	<u>376.814.914.165</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.331.025.991	5.374.576.835
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	34.308.752	53.983.079
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.997.500	
Cộng	<u>4.401.332.243</u>	<u>5.428.559.914</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.902.760.572	3.119.761.465
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	96.794.096	110.282.994
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	212.970.922	277.043.630
Cộng	<u>5.212.525.590</u>	<u>3.507.088.089</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng và hội nghị khách hàng	6.109.278.774	3.682.593.033

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	15.408.471.774	11.203.749.177
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	375.958.166	170.882.300
Chi phí đồ dùng văn phòng	521.906.970	675.110.278
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.874.878	273.309.535
Thuế, phí và lệ phí	25.610.305	14.905.364
Chi phí dự phòng	38.746.801	(44.791.299)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.918.054.637	6.492.310.436
Chi phí bằng tiền khác	6.004.651.984	5.606.570.296
Cộng	<u>28.518.275.515</u>	<u>24.392.046.087</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.545.893.509	
Tiền thu từ bồi thường tổn thất tài sản cố định bị mất cắp	487.000.000	
Thu tiền hỗ trợ đi đời	4.858.755.106	
Tiền thu từ hàng hóa tổn thất	6.033.363.636	
Hoàn nhập quỹ lương năm 2011		1.483.941.558
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	159.378.576	137.399.168
Thu tiền bán hồ sơ thầu	13.000.000	
Thu tiền bảo hiểm		25.583.566
Xử lý công nợ	12.000.000	
Thu nhập khác	2.110.942	4.526.458
Cộng	<u>15.111.501.769</u>	<u>1.651.450.750</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	3.545.893.509	
Giá trị còn lại của tài sản cố định bị mất	442.594.111	
Chi phí đi đời	4.858.755.106	
Chi phí bồi thường tổn thất	11.357.627.836	84.334.335
Thường tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	132.794.401	120.307.461
Phí giám định	155.250.000	15.487.771
Phạt do vi phạm hợp đồng		12.975.507
Thuế bị phạt, bị truy thu	251.012.762	
Các khoản chi phí khác	29.102.948	7.164
Cộng	<u>20.773.030.673</u>	<u>233.112.238</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.823.849.597)	(2.367.685.934)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.367.685.934	2.313.012.451
Cộng	543.836.337	(54.673.483)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.734.670.873	54.330.153.205
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	52.734.670.873	54.330.153.205
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.273	5.433

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.000.000	10.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.947.806.060	43.062.177.798
Chi phí nhân công	109.764.219.452	105.634.918.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.046.289.928	29.286.528.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.166.010.737	214.618.772.700
Chi phí khác	22.495.821.085	12.287.155.563
Cộng	432.420.147.262	404.889.553.285

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.963.338.551	1.883.987.903
Tiền thưởng	965.450.397	889.174.339
Cộng	2.928.788.948	2.773.162.242

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	153.492.735.005	149.280.734.781
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	20.293.676.277	22.589.283.516
Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng	20.765.909.091	26.500.000.000
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ tư vấn	3.559.101.011	4.424.287.284
Công ty mẹ cho thuê phương tiện	3.999.324.618	4.367.891.243
Công ty mẹ cung cấp điện, nước	3.810.628.024	3.298.673.111

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ cho thuê kho	1.870.429.092	
Chi trả cổ tức cho Công ty mẹ	3.540.000.000	9.440.000.000
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần		
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần cung cấp dịch vụ	3.042.718.093	2.322.023.548
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng cung cấp dịch vụ	29.861.766.150	
Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng cho Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng		6.500.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
Công ty cung cấp dịch vụ	2.081.115.489	1.632.113.818
Công ty cho thuê văn phòng		130.909.091
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng cung cấp dịch vụ	10.944.327.429	7.360.298.943
Công ty chia cổ tức		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Công ty cung cấp dịch vụ	26.500.000	
Công ty cung cấp nhiên liệu	526.265.052	1.035.072.056
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng cung cấp dịch vụ	32.570.463.668	27.523.938.239
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép		
Công ty cung cấp dịch vụ	123.826.136	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép cung cấp dịch vụ	151.190.000	
Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Cảng		
Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Cảng cung cấp dịch vụ		217.114.500
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng cung cấp dịch vụ	2.156.857.599	1.379.262.855
Công ty cung cấp dịch vụ	3.358.996.546	
Mua cổ phần Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	200.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng góp vốn	600.000.000	3.400.000.000
Chi trả cổ tức trong năm	816.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng		
Công ty cung cấp dịch vụ	1.605.398.000	1.985.388.728
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng cung cấp dịch vụ	486.889.700	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung cung cấp dịch vụ		177.361.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	143.000.000	1.100.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình		
Công ty cung cấp dịch vụ	49.213.636	109.822.729

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình cung cấp dịch vụ	5.880.786.500	6.482.832.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước cung cấp dịch vụ	452.410.000	613.690.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng cung cấp dịch vụ	7.910.949.891	2.259.611.256
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng		550.000
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép		
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép cung cấp dịch vụ		147.125.000
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái cung cấp dịch vụ	1.202.001.875	1.099.643.125
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC		
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC cung cấp dịch vụ	33.000.000	44.300.803
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng cung cấp dịch vụ	79.650.625	
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng		
Công ty cung cấp dịch vụ	167.563.636	
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	40.328.949.853	24.499.670.765
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân cảng		
Ứng trước tiền thi công kho	23.636.057.235	
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	122.508.100	539.448.701
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Tân Cảng		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	154.291.433	304.621.968
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	1.894.384.300	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	72.952.200	1.575.377.600
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	7.260.000	21.395.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	75.420.000	
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	109.800.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng</i> Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	46.080.000	
Cộng nợ phải thu	66.447.703.121	26.940.514.034
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i> Phải trả tiền dịch vụ	20.356.844.564	4.819.005.464
<i>Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần</i> Phải trả tiền dịch vụ	252.175.000	351.554.650
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng</i> Phải trả tiền dịch vụ	1.119.730.241	
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i> Phải trả tiền dịch vụ	4.691.610.240	2.691.910.535
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép</i> Phải trả tiền dịch vụ	41.800.000	
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Cảng</i> Phải trả tiền dịch vụ		20.640.400
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i> Phải trả tiền dịch vụ	330.211.233	16.338.388
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i> Phải trả tiền dịch vụ	177.289.750	
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình</i> Phải trả tiền dịch vụ	478.632.000	740.770.250
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước</i> Phải trả tiền dịch vụ	45.353.000	27.874.000
<i>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</i> Phải trả tiền dịch vụ	52.000.000	738.465.096
<i>Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng – Cái Mép</i> Phải trả tiền dịch vụ		161.837.500
<i>Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái</i> Phải trả tiền dịch vụ	202.054.188	925.810.188
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng</i> Phải trả tiền dịch vụ	87.615.688	
Cộng nợ phải trả	27.835.315.904	10.494.206.471

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bốc xếp
- Các lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bốc xếp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	437.829.593.084	74.983.098.004	512.812.691.088
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	437.829.593.084	74.983.098.004	512.812.691.088
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	97.595.917.269	16.714.366.377	114.310.283.646
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(34.627.554.289)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			79.682.729.357
Doanh thu hoạt động tài chính			4.401.332.243
Chi phí tài chính			(5.212.525.590)
Thu nhập khác			15.111.501.769
Chi phí khác			(20.773.030.673)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(16.031.444.641)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(543.836.337)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			56.634.726.128
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	69.735.945.784	72.934.742.073	142.670.687.857
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	27.187.020.260	7.720.547.795	34.907.568.055
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	413.504.261.207	65.523.570.795	479.027.832.002
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	413.504.261.207	65.523.570.795	479.027.832.002

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực bóc xếp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	87.129.606.760	13.806.269.987	100.935.876.747
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(28.074.639.120)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			72.861.237.627
Doanh thu hoạt động tài chính			5.428.559.914
Chi phí tài chính			(3.507.088.089)
Thu nhập khác			1.651.450.750
Chi phí khác			(233.112.238)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(19.289.355.320)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			54.673.483
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			56.966.366.127
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21.895.582.981	3.469.501.830	25.365.084.811
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	28.606.288.220	4.532.858.040	33.139.146.260
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực bóc xếp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	274.118.742.647	104.984.271.302	379.103.013.949
Tài sản phân bổ cho bộ phận	12.837.344.140	2.198.535.341	15.035.879.481
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			81.998.637.181
Tổng tài sản			476.137.530.611
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	96.444.759.720	76.638.236.004	173.082.995.724
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	4.122.937.359	706.098.037	4.829.035.396
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			43.218.536.427
Tổng nợ phải trả			221.130.567.547
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	125.158.059.031	70.656.707.810	195.814.766.841
Tài sản phân bổ cho bộ phận	14.785.139.514	2.342.804.421	17.127.943.935
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			105.224.481.006
Tổng tài sản			318.167.191.782
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	57.038.729.025	13.067.234.051	70.105.963.076
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	6.146.222.558	973.910.146	7.120.132.704
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			47.567.423.721
Tổng nợ phải trả			124.793.519.501

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên khu vực Cảng của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (Công ty mẹ) và các Công ty thành viên thuộc Tổng Công ty nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.345.019.601				67.345.019.601
Các khoản đầu tư nằm giữ đến ngày đáo hạn	13.000.000.000				13.000.000.000
Phải thu khách hàng	76.169.308.166			129.156.004	76.298.464.170
Các khoản phải thu khác	1.028.949.940				1.028.949.940
Cộng	157.543.277.707			129.156.004	157.672.433.711

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.665.490.009				103.665.490.009
Phải thu khách hàng	47.202.024.948			129.156.004	47.331.180.952
Các khoản phải thu khác	1.338.625.837				1.338.625.837
Cộng	152.206.140.794			129.156.004	152.335.296.798

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	31.247.274.048	75.560.465.836	18.737.385.126	125.545.125.010
Phải trả người bán	39.117.486.777			39.117.486.777
Các khoản phải trả khác	21.769.688.496	371.520.000		22.141.208.496
Cộng	92.134.449.321	75.931.985.836	18.737.385.126	186.803.820.283
Số đầu năm				
Vay và nợ	17.502.315.880	26.906.990.196		44.409.306.076
Phải trả người bán	23.027.537.969			23.027.537.969
Các khoản phải trả khác	14.102.639.542			14.102.639.542
Cộng	54.632.493.391	26.906.990.196		81.539.483.587

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	163,07	5,78		9.577,18
Vay và nợ	(649.998,00)		(1.083.330,00)	
Phải trả người bán	(77.000,00)			
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(726.834,93)	5,78	(1.083.330,00)	9.577,18

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.000.000.000		99.000.000.000	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.000.000.000			
Vay và nợ	(111.735.267.502)	(649.998,00)	(21.561.876.376)	(1.083.330,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(43.735.267.502)	(649.998,00)	77.438.123.624	(1.083.330,00)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ/các khoản cho vay và vay có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.345.019.601		103.665.490.009		67.345.019.601	103.665.490.009
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.000.000.000				13.000.000.000	
Phải thu khách hàng	76.298.464.170	(129.156.004)	47.331.180.952	(90.409.203)	76.169.308.166	47.240.771.749
Các khoản phải thu khác	1.028.949.940		1.338.625.837		1.028.949.940	1.338.625.837
Cộng	157.672.433.711	(129.156.004)	152.335.296.798	(90.409.203)	157.543.277.707	152.244.887.595

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	125.545.125.010	44.409.306.076	125.545.125.010	44.409.306.076
Phải trả người bán	39.117.486.777	23.027.537.969	39.117.486.777	23.027.537.969
Các khoản phải trả khác	22.141.208.496	14.102.639.542	22.141.208.496	14.102.639.542
Cộng	186.803.820.283	81.539.483.587	186.803.820.283	81.539.483.587

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VÂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng



Võ Thị Xuân Lan



Bùi Quang Huy